TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ NINH HOÀ** **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 02/6/2022
V/v tranh chấp "*Ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NINH HÒA, TỈNH KHÁNH HÒA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- *Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà:* Ông **Đỗ Khánh Hà**
- *Các Hội thẩm nhân dân*: Bà **Nguyễn Thị Hoa**
Bà **Lê Thị Hoa**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Thúy Kiều –** Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Bà **Đào Khánh Ly –** Kiểm sát viên.

Ngày 02/6/2022, Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 61/2022/HNGĐ ngày 18/01/2022 về việc: *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/5/2022 giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà **Lâm Thị Thu T –** Sinh năm: 1987; Địa chỉ: Thôn V 1, xã V, thành phố N, tỉnh K. Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông **Trần Anh P** − Sinh năm: 1986; Địa chỉ: Thôn N, xã Ninh A, thị xã N, tỉnh K. (Có yêu cầu xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Lâm Thị Thu T trình bày: Bà và ông Trần Anh P tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 2019, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, thành phố N, tỉnh K theo giấy chứng nhận kết hôn số 117 ngày 02/12/2019. Nguyên nhân mâu thuẫn gia đình do ông P thường xuyên rượu chè, về nhà gây gỗ, đánh đập, xúc phạm bà; không lo làm ăn mà còn có hành vi vi phạm pháp luật dẫn đến việc phải đi tù. Bên cạnh đó ông P còn có quan hệ trai gái, không chung thủy. Cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn. Nay bà xin ly hôn ông P.

Về con chung: Bà và ông P có 01 con chung là Trần Lâm Minh M – sinh ngày 12/9/2019. Bà T xin nuôi con chung, không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tư khai ngày 13/5/2022, bị đơn ông Trần Anh P trình bày: Ông thống nhất với lời trình bày của bà T về việc kết hôn, con chung, mâu thuẫn gia đình. Nay bà T xin ly hôn, ông đồng ý.

Về con chung: Sau khi ly hôn, ông đồng ý giao con chung cho bà T nuôi, ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà Lâm Thị Thu T được ly hôn ông Trần Anh P.

Về con chung: Giao con chung là Trần Lâm Minh M – sinh ngày 12/9/2019 cho bà T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến đủ 18 tuổi. Bà T không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con chung nên đề nghị không xem xét.

Về tài sản chung: Bà T và ông P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Bà T và ông P khai không có tài sản chung nên đề nghị không xem xét.

Về án phí: Bà T phải nộp án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thủ tục tố tụng: Bà Lâm Thị Thu T khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Trần Anh P, yêu cầu giải quyết con chung. Ông Trần Anh P có nơi cư trú: Thôn N, xã N, thị xã N. Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Trần Anh P có yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Trần Anh P.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lâm Thị Thu T và ông Trần Anh P sống chung từ năm 2018. Đến năm 2019, bà T và ông P tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã V, thành phố N, tỉnh K cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 117 ngày 02/12/2019, do vậy đây là hôn nhân hợp pháp. Bà T và ông P đều thừa nhân mâu thuẫn gia đình là do ông P thường xuyên rượu chè, về nhà gây gỗ, đánh đập, xúc phạm bà T. Bên cạnh đó ông P còn có quan hệ trai gái, không chung thủy, không lo làm ăn mà còn có hành vi vi phạm pháp luật dẫn đến việc phải đi tù. Có thể thấy cuộc sống chung của vợ chồng bà T và ông P đã lâm vào tình

trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của bà T là có cơ sở để chấp nhận.

[3] Về con chung: Bà T và ông P có 01 con chung là Trần Lâm Minh M – sinh ngày 12/9/2019. Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con. Ông P đồng ý để bà T nuôi con chung, ông không phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, cháu Minh M là con gái, hiện đang còn nhỏ nên cần sự chăm sóc của người mẹ. Ông P hiện đang chấp hành hình phạt tù. Do đó, cần giao con chung cho bà T trực tiếp trong nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Bà T không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Bà T và ông P không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5] Về nợ chung: Bà T và ông P khai không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[6] Về án phí: Bà T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH :

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lâm Thị Thu T.

Về hôn nhân: Bà Lâm Thị Thu T được ly hôn ông Trần Anh P.

Về con chung: Giao con chung là Trần Lâm Minh M – sinh ngày 12/9/2019 cho bà Lâm Thị Thu T trực tiếp trong nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi. Bà T không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét. Ông P được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết cha, mẹ có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung hoặc khi có căn cứ theo điểm b khoản 2 và khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình thì cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung.

Về tài sản chung: Bà T và ông P không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Bà T và ông P khai không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi

hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về án phí: Bà Lâm Thị Thu T phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0004435 ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ninh Hòa. Bà T đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Lâm Thị Thu T được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn ông Trần Anh P được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã Ninh Hòa;
- Chi cục THADS thị xã Ninh Hòa;
- UBND xã V (giấy CNKH số 117/2019);
- Lưu: Án văn, Hồ sơ vụ án.

Đỗ Khánh Hà